TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2017
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tam Kỳ

2. Ông Trần Văn Sĩ

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông **Giáp Nguyễn Quang Liêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXX ST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N - sinh năm 1983; trú tại thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh D - sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay Trại giam A, xã D, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16.4.2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Lê Minh D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V. Quá trình chung sống vợ chồng sống chung ở nhà cha mẹ đẻ chị N ở thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống anh D nghiện ma túy, chị N có khuyên bảo anh D từ bỏ để chăm lo làm ăn nhưng anh D không nghe nên vợ chồng kình cãi, mâu thuẫn nhau, đến tháng 02 năm 2014 anh D bị bắt tạm giam do mua bán ma túy, tháng 6 năm

2014 bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 07 năm 6 tháng tù và hiện đang chấp hành án phạt tù ở Trại giam A, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa.

Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Minh D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có con chung duy nhất là Lê Minh Thanh N – sinh ngày 10 tháng 8 năm 2013. Hiện nay chị N đang nuôi dưỡng con chung, chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Lê Minh D để trình bày ý kiến về việc chị N khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D đều không có mặt. Tuy nhiên anh D có viết bản tự khai với nội dung về quan hệ hôn nhân anh D đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N, về con chung anh D đồng ý giao con chung duy nhất là Lê Minh Thanh N sinh ngày 10 tháng 8 năm 2013 cho chị N nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung thì vợ chồng anh D, chị N không có và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 04 tháng 7 năm 2018 (có xác nhận của Giám Thị Trại giam A), Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa gửi đến Tòa ngày 30 tháng 8 năm 2018 với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh D, anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Vạn L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn là anh Lê Minh D đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa để xét xử nhưng vắng mặt, tuy nhiên anh D có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản

1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Minh D kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Vạn L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp.

Về việc chị N yêu cầu ly hôn với anh D, xét thấy: Vợ chồng chị N, anh D thực tế không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2014; anh D cũng khai nhận do vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2014 nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó có cơ sở để xác định giữa chị N và anh D đã không còn thương yêu nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N, anh D có con chung duy nhất là Lê Minh Thanh N – sinh ngày 10 tháng 8 năm 2013. Chị N có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; xét thấy: chị N đang nuôi con chung, anh D cũng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của N. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N, anh Lê Minh D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N, anh Lê Minh D xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Lê Minh D.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung duy nhất là Lê Minh Thanh N – sinh ngày 10 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Lê Minh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị N, anh D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét về tài sản chung.

4 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014124 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Vạn L;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trừ